

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH THAM GIA HOẠT ĐỘNG DU LỊCH NÔNG NGHIỆP CỦA NÔNG DÂN: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

● ĐINH PHI HỒ - QUÁCH THỊ MINH TRANG - NGUYỄN THỊ HỒNG HOA

TÓM TẮT:

Du lịch nông nghiệp tạo ra cơ hội việc làm cho các thành viên trong gia đình của nông hộ, thúc đẩy đa dạng hóa các hoạt động nông trại và các nguồn thu nhập và giảm sự phụ thuộc vào tự nhiên của nông hộ. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát trực tiếp 450 hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long và sử dụng phân tích hồi quy Binary Logistic. Kết quả cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng bao gồm: Chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương; Tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông; Cảm nhận lợi ích đem lại; Mô hình sản xuất đa dạng; Tiếp cận Internet; Trình độ học vấn; Tham gia các hiệp hội du lịch, Tổ chức du lịch; Khoảng cách từ nhà đến trung tâm thương mại gần nhất; Thu nhập nông hộ; Độ tuổi chủ hộ.

Từ khóa: du lịch nông nghiệp, mô hình hồi quy Binary Logistic, đồng bằng sông Cửu Long.

1. Đặt vấn đề

Việt Nam có nền nông nghiệp đang phát triển với hơn 65% dân số sống ở nông thôn. Đây là khu vực chiếm vị trí quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, bản sắc văn hóa và tập quán canh tác lâu đời của các dân tộc, Việt Nam có nhiều ưu thế để phát triển du lịch nông nghiệp (DLNN). Trên 63 tỉnh, thành phố của Việt Nam nơi nào cũng sở hữu cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, với các mô hình sản xuất nông nghiệp đa dạng theo hệ sinh thái từng vùng cùng những người nông dân chân tình, hiếu khách. Đó chính là nguồn tài nguyên du lịch, là lợi thế của Việt Nam (Linh Tâm, 2021). Du lịch

nông nghiệp từ lâu đã là một lựa chọn cho những người nông dân muốn bổ sung thu nhập và tăng lợi nhuận từ tài sản nông trại (Bernardo và cộng sự, 2004). Du lịch nông nghiệp tạo ra cơ hội việc làm cho các thành viên trong gia đình của nông hộ (Carter, 1998). Hơn nữa, DLNN còn thúc đẩy đa dạng hóa các hoạt động nông trại và các nguồn thu nhập, giảm sự phụ thuộc vào tự nhiên của nông hộ (Veeck và cộng sự, 2006). Phát triển du lịch tại nông thôn còn đem lại các giá trị tinh thần, vật chất và sự gắn kết cộng đồng. Tuy nhiên, trong thời gian qua, phát triển du lịch nông nghiệp ở Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Vấn đề cốt lõi cho phát triển DLNN là duy

động nông dân tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp. Vấn đề này đặt ra những thách thức đối với các nhà nghiên cứu và những nhà chính sách kinh tế nông nghiệp và du lịch ở Việt Nam. Do đó bài viết này tập trung nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp của nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long, với 3 nội dung chính: (1) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia du lịch nông nghiệp; (2) Phát triển mô hình kinh tế lượng cho quan hệ trên; (3) Gợi ý chính sách nhằm thu hút nông dân tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là một trong những đồng bằng lớn, phì nhiêu nhất Đông Nam Á, là vùng sản xuất, xuất khẩu lương thực, vùng cây ăn trái nhiệt đới lớn nhất Việt Nam với diện tích tự nhiên 4.092,2 nghìn ha, trong đó đất dùng cho sản xuất nông nghiệp chiếm 62,9% tổng diện tích đất tự nhiên của cả vùng. Phần lớn diện tích đồng bằng được bồi đắp phù sa hằng năm, rất màu mỡ, nhất là dải đất phù sa ngọt dọc sông Tiền và sông Hậu cùng với mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, tạo điều kiện thuận lợi cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (TCTK, 2020). Gần với thế mạnh nông nghiệp và hệ sinh thái đa dạng, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có ưu thế phát triển du lịch đặc thù như khu dự trữ sinh quyển, du lịch sinh thái, văn hóa sông nước, miệt vườn, làng nghề,... để thu hút du khách.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Khái niệm

Du lịch nông nghiệp: Các nhà nghiên cứu của Đại học California cho rằng, du lịch nông nghiệp (agritourism) là bất kỳ hoạt động tạo thu nhập nào được thực hiện tại một nông trại nhằm phục vụ cho sự thụ hưởng giải trí và giáo dục của du khách. Nó bao gồm việc giải thích các tài sản tự nhiên, văn hóa, lịch sử và môi trường của đất và những nông dân làm việc trên đó. USDA (United States Department of Agriculture) phân loại các hoạt động du lịch nông nghiệp bao gồm các hoạt động giáo dục, dịch vụ khách sạn, giải trí ngoài trời, tiếp thị sản phẩm nông nghiệp và tạo ra hoặc bán các sản phẩm. Theo Dịch vụ Bảo tồn Tài nguyên thiên nhiên Hoa Kỳ (Natural Resources Conservation Service, NRCS), du lịch nông nghiệp đóng một vai

trò trong việc duy trì tài nguyên của đất và cho phép phát triển hệ thống nông nghiệp bền vững hơn vì nông dân và chủ trang trại dựa vào các nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất đai - đất, nước, không khí, thực vật, động vật hoang dã và cảnh quan để gắn chặt gia đình của họ ở trên trang trại và trang trại trong gia đình của họ (SAREP, 2017).

2.2. Lý thuyết nền tảng

Lý thuyết về hành động hợp lý: Lý thuyết về hành động hợp lý (Theory of reasoned action, TRA) của Ajzen & Fishbein (1980) cho rằng ý định hành vi dẫn đến hành vi và ý định được quyết định bởi thái độ cá nhân, cùng sự ảnh hưởng của chuẩn chủ quan (Sự tác động của người khác cũng dẫn tới thái độ của họ). Trong đó, thái độ và chuẩn chủ quan có tầm quan trọng trong ý định hành vi. Mô hình này được sử dụng để dự đoán cách mà cá nhân sẽ hành xử dựa trên thái độ và ý định hành vi đã có từ trước của họ. Mối tương quan cao giữa ý định hành vi và hành vi thực tế đã được xác nhận trong nhiều nghiên cứu (Sheppard và cộng sự, 1998). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tranh luận về mối quan hệ gắn kết giữa ý định hành vi và hành vi thực tế, vì trong hoàn cảnh nhất định, ý định hành vi không phải lúc nào cũng dẫn đến hành vi thực tế.

Lý thuyết hành vi hoạch định: Lý thuyết hành vi hoạch định (The Theory of Planned Behaviour, TPB) của Ajzen (1991) cho rằng, ý định thực hiện hành vi sẽ chịu ảnh hưởng bởi 3 nhân tố như thái độ đối với hành vi, quy chuẩn chủ quan và nhận thức về kiểm soát hành vi. Như vậy, thuyết hành vi hoạch định (TPB) được phát triển từ lý thuyết hành động hợp lý và khắc phục được hạn chế về việc cho rằng hành vi của con người là hoàn toàn do kiểm soát lí trí. Ba yếu tố quyết định cơ bản trong lý thuyết này, gồm: (i) Yếu tố cá nhân là thái độ cá nhân đối với hành vi về việc tích cực hay tiêu cực của việc thực hiện hành vi; (ii) Về ý định nhận thức áp lực xã hội của người đó, vì nó đối phó với nhận thức của áp lực hay sự bắt buộc có tính qui tắc nên được gọi là chuẩn chủ quan; và (iii) Cuối cùng là yếu tố quyết định về sự tự nhận thức (self-efficacy) hoặc khả năng thực hiện hành vi, được gọi là kiểm soát nhận thức hành vi. Lý thuyết cho thấy tầm quan trọng của thái độ đối với hành vi, chuẩn chủ quan và kiểm soát nhận thức hành vi dẫn đến sự hình thành của một ý định hành vi.

Lý thuyết cảm nhận hữu dụng: Theo lý thuyết cảm nhận hữu dụng (Useful perception theory), trong nông nghiệp, những biện pháp hay giải pháp kỹ thuật mới thường được cảm nhận mang nhiều rủi ro hơn các biện pháp truyền thống và sẽ là rào cản cho quyết định lựa chọn ứng dụng khi người nông dân sẽ không biết chắc về hiệu quả, hữu dụng và sẽ có xu hướng trì hoãn ứng dụng nhằm chờ đợi kết quả thử nghiệm (Feder và cộng sự, 1985). Do đó, Feder & O'Mara (1981) cho thấy thông qua việc tiếp cận với nguồn thông tin chính thống, được trải nghiệm sẽ giúp nông dân cảm thấy mức độ rủi ro, sự không chắc chắn giảm trong khi họ lại nhận thấy được sự hiệu quả, hữu ích khi ứng dụng và qua đó gia tăng xác suất lựa chọn ứng dụng.

Lý thuyết về du lịch nông nghiệp: Du lịch thay thế nằm trong hệ thống du lịch hiện đại. Du lịch nông nghiệp là một trong những hình thức du lịch thay thế (Alternative Tourism) ở vùng nông thôn. Do đó, DLNN là hoạt động được thực hiện ở khu vực nông thôn, nơi tất cả các giai đoạn của nông nghiệp và chế biến sản phẩm nông nghiệp diễn ra (Mieczkowski, 1995). Theo Coates & McDermott (2002), hầu hết các tài nguyên có thể được sử dụng bằng những cách khác nhau và nông trại có thể nâng cao năng lực cạnh tranh bằng cách sử dụng các lợi thế tài nguyên này theo những cách mới và biến chúng thành sản phẩm hoặc dịch vụ mới.

Lý thuyết đại diện xã hội: Lý thuyết đại diện xã hội (Social representation theory) cho rằng, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng vào phát triển du lịch nông thôn sẽ đạt được sự bền vững phát triển du lịch nông thôn. Đại diện xã hội là một hệ thống kiến thức kỳ vọng, hình ảnh và giá trị khác nhau, có ý nghĩa văn hóa riêng và độc lập với kinh nghiệm cá nhân (Rateau và cộng sự, 2011). Sự hình thành đại diện xã hội chủ yếu đến từ các ấn phẩm và phương tiện truyền thông điện tử, tương tác xã hội và trải nghiệm trực tiếp, kết quả là sự đồng thuận xã hội sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thái độ của mọi người đối với một điều nhất định (Pearce và cộng sự, 1996).

Lý thuyết ngoại vi trung tâm và khuếch tán: Lý thuyết ngoại vi trung tâm (The Centre-Periphery Theory) cho rằng các khu vực được ưu đãi tốt sẽ có cơ hội để phát triển hơn nữa nếu tận dụng được nguồn lực của các vùng khác (Gren, 2002). Việc áp

dụng đổi mới trong sự phát triển của một cộng đồng và kết quả sự lan tỏa sáng tạo cho cộng đồng khác (Yates 2001).

Các lý thuyết nền tảng trên có liên quan đến nghiên cứu này trong việc giải thích bản chất của du lịch nông nghiệp, hành vi của nông dân tham gia du lịch nông nghiệp và cũng giải thích lý do mà nông dân tham gia tích cực vào mô hình phát triển du lịch ở nông thôn.

2.3. Các nghiên cứu thực nghiệm liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp

Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở China cho thấy các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương và môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch nông nghiệp (Huamin & Zhang, 2011). Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Cameron của Kunasekaran và cộng sự (2012) cho thấy cảm nhận lợi ích đem lại, sự hỗ trợ của chính phủ, Khoảng cách từ nông trại đến trung tâm thương mại gần nhất là các yếu tố chủ yếu tác động đến tham gia nông dân vào hoạt động du lịch nông nghiệp. Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở USA của Bagi & Richard (2012) và nghiên cứu của Yeboah và cộng sự (2017) cho biết, độ tuổi trẻ, qui mô nông trại, tiếp cận internet, vị trí nông trại là các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN. Nghiên cứu của Malkanthi và cộng sự (2015) ở Sri Lanka cho thấy các yếu tố độ tuổi và học vấn của nông dân ảnh hưởng đến quyết định tham gia vào các hoạt động du lịch nông nghiệp. Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Thailand của Jungprawate (2018) cho thấy, giới tính, tuổi tác, học vấn và kinh nghiệm làm việc là các yếu tố chủ yếu tác động đến tham gia nông dân vào hoạt động du lịch nông nghiệp. Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Việt Nam cũng cho thấy các yếu tố ảnh hưởng bao gồm tuổi tác, trình độ học vấn, quy mô diện tích, số năm tham gia du lịch nước ngoài, lòng tin, quan hệ với các công ty du lịch, hỗ trợ chính quyền địa phương (Ha Hong Nguyen, 2018; Dung Thai Nguyen, 2021).

Từ thập niên 2010, nhiều nghiên cứu về du lịch nông nghiệp trên thế giới, Nepal (Bhatta và cộng sự, 2019); India (Ezung, 2012); Cuba (Duffy và cộng sự, 2016); Indonesia (Nastiti và cộng sự,

2019) cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia du lịch nông nghiệp bao gồm: giới tính, độ tuổi, diện tích đất nông nghiệp, thu nhập, tham gia các hiệp hội du lịch, tổ chức du lịch, vị trí gần trung tâm thương mại.

Tổng hợp các nghiên cứu thực nghiệm trên cho thấy có 6 nhóm yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN của nông dân: Vốn con người; Vốn vật chất; Vốn xã hội; Cảm nhận hữu dụng; Khả năng tiếp cận thị trường; Chính sách trợ giúp của chính phủ. Nghiên cứu tiến hành khảo sát 20 chuyên gia quản lý trong ngành Du lịch ở thành phố Cần Thơ và Sóc Trăng để nhận diện cụ thể các nhóm yếu tố cho phù hợp với đặc thù Việt Nam.

Vốn con người: Độ tuổi; Trình độ học vấn của chủ hộ.

Vốn vật chất: Diện tích đất nông nghiệp; Khả năng tiếp cận Internet; Mô hình sản xuất trên đất nông nghiệp; Thu nhập.

Vốn xã hội: Chủ hộ tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ nông dân; và mức độ tiếp xúc với cán bộ khuyến nông; Tham gia các Hiệp hội du lịch, Tổ chức du lịch.

Cảm nhận hữu dụng: Chủ hộ có cảm nhận lợi ích đem lại từ DLNN.

Khả năng tiếp cận thị trường: Khoảng cách các từ nông trại đến trung tâm thương mại địa phương.

Chính sách trợ giúp của chính quyền địa phương: Đầu tư cơ sở hạ tầng (điện, nước sạch, đường nông thôn, hệ thống đường truyền Internet,

hoàn chỉnh quy hoạch khu trung tâm thương mại địa phương), quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, chương trình marketing địa phương về du lịch nông nghiệp.

3. Mô hình nghiên cứu và các giả thuyết

Tổng quan lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm là cần thiết để nghiên cứu thêm nhằm mở rộng lý thuyết, cung cấp thêm bằng chứng thực nghiệm và các hàm ý chính sách liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN. Các nghiên cứu trước đây nêu bật những hiểu biết sâu sắc về các yếu tố ảnh hưởng và đo lường chủ yếu bằng định tính, mô tả thống kê, mô hình hồi quy tuyến tính, nhưng chưa cung cấp cơ sở đầy đủ cho một khung phân tích toàn diện về các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định nông dân tham gia DLNN. Do đó, mục đích của nghiên cứu này là mở rộng các phát hiện từ các nghiên cứu trước đây và phân tích tích hợp các yếu tố trong phân tích hồi quy Binary Logistic. Nhóm nghiên cứu lựa chọn mô hình nghiên cứu cho DBSCL như Hình 1, Bảng 1.

4. Thiết kế nghiên cứu

4.1. Mô hình định lượng

Mô hình nghiên cứu có dạng:

$$Y = f(X_1, X_2, \dots, X_{11})$$

Dạng khái quát của mô hình hồi quy tuyến tính:

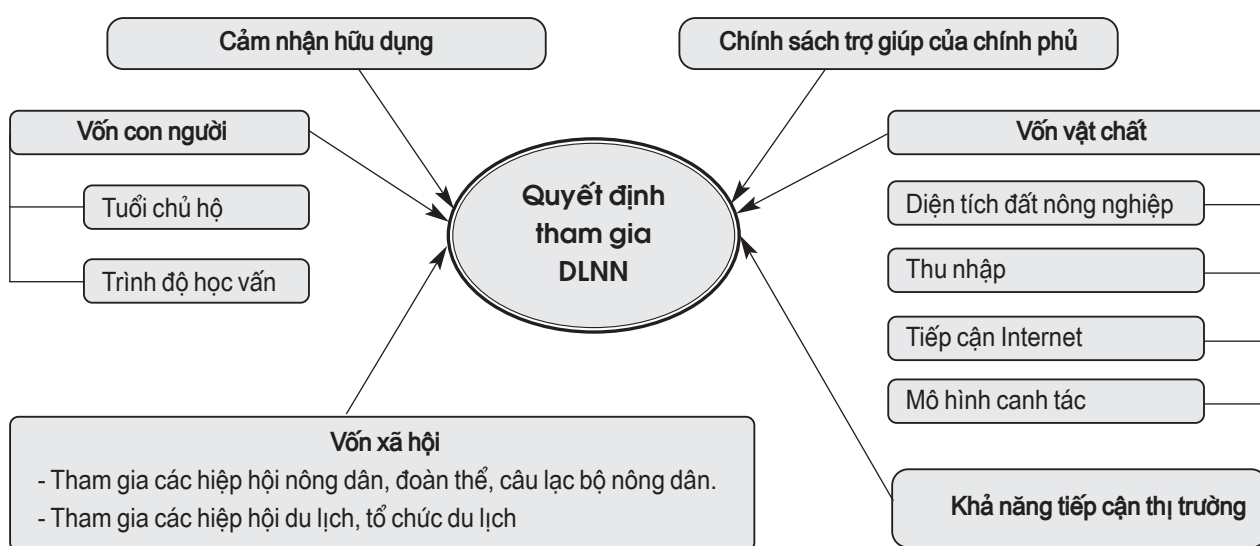
$$Y = B_0 + \sum_{i=1}^n B_i X_i + u$$

X_i : Các biến độc lập;

Y : biến phụ thuộc;

u : phần dư.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Bảng 1. Định nghĩa các biến và kỳ vọng

TT	Biến	Mã hóa	Đo lường	Kỳ vọng
I	Vốn con người			
1	Tuổi chủ hộ	X1	Số năm tuổi chủ hộ	-
2	Trình độ học vấn	X2	(Cấp 1=0; cấp 2=1; Cấp3=2; Trung cấp & Cao đẳng=3; Đại học= 4)	+
II	Vốn vật chất			
1	Diện tích đất nông nghiệp	X3	1000 m ²	
2	Thu nhập	X4	Thu nhập bình quân trong năm (Triệu VNĐ)	+
3	Tiếp cận Internet	X5	Có =1; không =0	+
4	Mô hình sản xuất	X6	Đa dạng=1; không =0	+
III	Vốn xã hội			
1	Tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông	X7	Có =1; không =0	+
2	Tham gia các hiệp hội du lịch, tổ chức du lịch	X8	Có =1; không =1	+
IV	Chính sách hỗ trợ của CQĐP			
V	Cảm nhận hữu dụng (Nhận thức tích cực về DLNN)	X9	Có =1; không =1	
VI	Khả năng tiếp cận thị trường			
	Khoảng cách từ nông trại đến trung tâm thương mại gần nhất	X11	Km	-

Theo Howitt & Cramer (2011), khi biến phụ thuộc là dạng biến giả (Dummy variable, Y = 1; Y= 0), mô hình thích hợp là mô hình hồi quy Binary Logistic.

Mô hình hồi quy Binary Logistic có dạng khái quát sau:

$$\ln \left[\frac{P(Y=1)}{P(Y=0)} \right] = B_0 + B_1X_1 + B_2X_2 + B_3X_3 + \dots + B_{11}X_{11} \quad (1)$$

Trong đó:

$P(Y=1) = P_0$: Xác suất hộ quyết định tham gia DLNN.

$P(Y=0) = 1 - P_0$: Xác suất hộ quyết định không tham gia DLNN.

X_i : các biến độc lập (i : từ 1 đến 11);

$\ln$: Log của cơ số e ($e = 2,714$).

Hệ số Odds (O_0):

$$O_0 = \frac{P_0}{1 - P_0} = \frac{P(\text{Quyết định tham gia})}{P(\text{Quyết định không tham gia})}$$

(Hệ số Odds)

Thế O_0 vào phương trình (1):

$$\ln O_0 = B_0 + B_1X_1 + \dots + B_{11}X_{11} \quad (2)$$

Log của hệ số Odds là một hàm tuyến tính với các biến độc lập X_i (Cox, 1958).

Phương trình (2) có dạng hàm Logit, ước lượng các hệ số hồi quy bằng phương pháp Maximum Likelihood (ML).

4.2. Thu thập và xử lý dữ liệu

Chúng tôi đã tiến hành khảo sát 480 hộ nông dân tại 8 huyện của 4 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long đại diện cho các vùng sinh thái nông nghiệp, gồm: Bến Tre, An Giang, Cần Thơ và Sóc Trăng. Bến Tre và Sóc Trăng với hệ sinh thái nước ngọt phù sa, sinh thái rừng ngập mặn và hệ sinh thái cồn

cát vùng bãi ngang cửa sông, ven biển; Cần Thơ với hệ sinh thái nước ngọt phù sa, cái nôi của ĐBSCL; An Giang với hệ sinh thái nước ngọt phù sa và rừng ngập nước tiêu biểu cho vùng Tây sông Hậu. Các địa phương này có đặc trưng về loại hình du lịch sinh thái nông nghiệp gồm: du lịch tham quan các vườn cây ăn trái; trải nghiệm sống trong nhà dân; tham quan và trải nghiệm tại các làng nghề truyền thống, văn hóa dân tộc Khmer, đồn ca tài tử, thưởng thức những món ăn đặc trưng gắn liền với cây dừa, cua biển, lẩu mắm, cá nước ngọt,...

Tất cả những người trả lời được xác định là chủ hộ, với phương pháp lấy mẫu phân tầng thuận tiện, tiến hành từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019. Sau khi thực hiện xử lý dữ liệu, đã có 450 quan sát đảm bảo phù hợp và sử dụng để phân tích dữ liệu. Toàn bộ việc xử lý số liệu được tiến hành dựa trên phần mềm SPSS phiên bản 20.0. Dữ liệu được thu thập thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết để kiểm định mô hình và các giả thuyết nghiên cứu.

5. Kết quả

5.1. Mô tả đặc điểm đối tượng khảo sát

Giới tính và tiếp cận Internet: Trong 450 hộ khảo sát, chủ hộ là nam chiếm chủ yếu (83%). Tỷ lệ nông hộ tiếp cận Internet 67,6%. (Hình 2, Hình 3)

Bảng 2 cho thấy trung bình tuổi của chủ hộ là 41; Diện tích đất nông nghiệp: 9000 m²; Thu nhập: 18 triệu đồng; Khoảng cách từ nhà đến trung tâm thương mại gần nhất: 5 km.

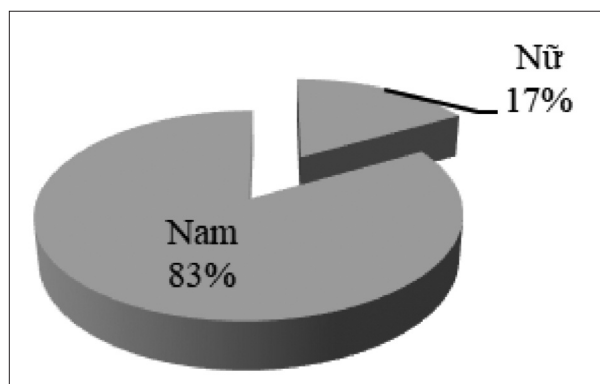
5.2. Mô hình sản xuất trên đất nông nghiệp

Có 84,2% nông hộ áp dụng mô hình sản xuất đa dạng. (Hình 4)

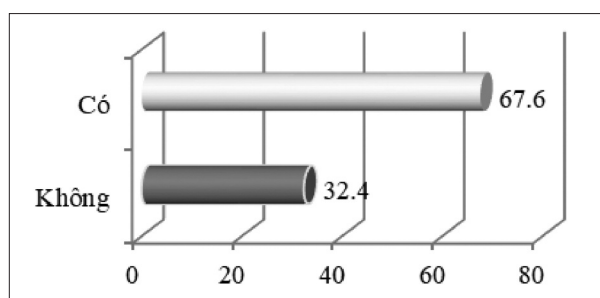
5.3. Kết quả hồi quy (Bảng 3)

Kiểm định Wald cho thấy tất cả các biến đều có

Hình 2: Giới tính chủ hộ (%)



Hình 3: Tiếp cận Internet (%)



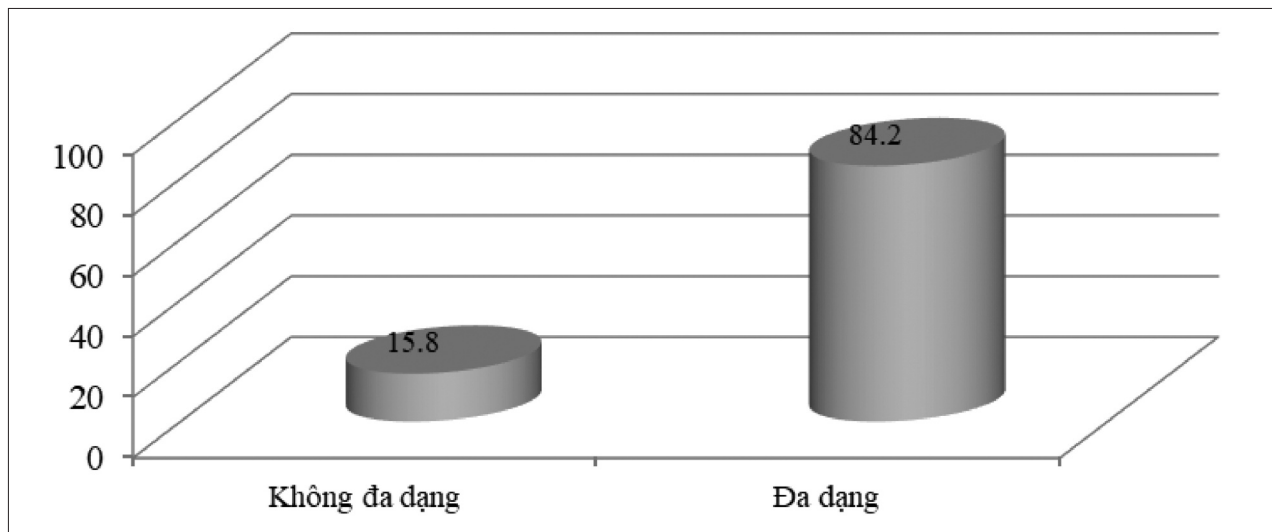
Sig. $\leq 0,05$. Dấu của các hệ số hồi quy phù hợp với giả thuyết. R^2 Nagelkerke = 0,918, như vậy 91,8% thay đổi của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập của mô hình. Kiểm định Omnibus với Sig. $\leq 0,05$, về tổng thể, các biến độc lập tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc. Như vậy, các biến độc lập tác động có ý nghĩa thống kê với biến Y “Quyết định tham gia DLNN gồm: X1, X2, X3, X4, X5, X6, X7, X8, X9, X10, X11.

Trong Bảng 4, thứ tự tác động đến “Quyết định tham gia DLNN” mạnh đến thấp nhất: X9 (Chính

Bảng 2. Giá trị trung bình của các biến

	Minimum (Tối thiểu)	Maximum (Tối đa)	Mean (Trung bình)	Std. Deviation (Độ lệch chuẩn)
Tuổi (năm)	20	63	41.49	10.983
Diện tích đất nông nghiệp (1000 m ²)	7	18	9.02	2.866
Thu nhập trong năm (triệu đồng)	11	27	18.37	4.289
Khoảng cách từ nông trại đến trung tâm thương mại gần nhất (Km)	1	13	4.7	2.122

Hình 4: Mô hình sản xuất (%)



Bảng 3. Hệ số hồi quy

	B	S.E.	Wald	Sig.	Exp(B)	95% C.I. for EXP(B)	
						Lower	Upper
X1	-0.06	0.029	4.229	0.040	0.942	0.889	0.997
X2	1.264	0.549	5.301	0.021	3.538	1.207	10.374
X3	0.752	0.165	20.872	0.000	2.121	1.536	2.929
X4	1.919	0.898	4.566	0.033	6.817	1.172	39.649
X5	0.171	0.064	7.168	0.007	1.186	1.047	1.344
X6	2.135	0.736	8.408	0.004	8.457	1.998	35.808
X7	2.376	0.836	8.083	0.004	10.762	2.092	55.372
X8	0.988	0.485	4.149	0.042	2.686	1.038	6.95
X9	2.888	0.834	11.982	0.001	17.950	3.499	92.076
X10	2.29	0.681	11.304	0.001	9.877	2.599	37.536
X11	-0.542	0.175	9.572	0.002	0.582	0.413	0.82
Constant	-16.765	3.285	26.052	0.000	0.000		
R ² Nagelkerke	0.918						
Omnibus Tests (Sig.)	0.000						

sách hỗ trợ của CQĐP); X7 (Tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông); X10 (Cảm nhận lợi ích đem lại); X6 (Mô hình SX đa dạng); X5 (Tiếp cận Internet); X2 (Trình độ học vấn); X8 (Tham gia các hiệp hội du lịch, Tổ chức du

lịch); X11 (Khoảng cách từ nhà đến trung tâm thương mại gần nhất bằng km); X4 (Thu nhập); X1 (Tuổi chủ hộ).

6. Thảo luận và hàm ý chính sách

Một là, nghiên cứu đã xác định 6 nhóm yếu tố

Bảng 4. Mức độ tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến Quyết định tham gia DLNN

	B	e^B	Pi (%)	Xác suất ban đầu $P_0 = 10\%$	
				Thay đổi xác suất (Giá trị tuyệt đối)	Vị trí
X1	-0,06	0,942	9,5	0,5	11
X2	1,264	3,538	28,2	18,2	6
X3	0,752	2,121	19,1	9,1	8
X5	1,919	6,817	43,1	33,1	5
X4	0,171	1,186	11,6	1,6	10
X6	2,135	8,457	48,4	38,4	4
X7	2,376	10,762	54,5	44,5	2
X8	0,988	2,686	23,0	13,0	7
X9	2,888	17,95	66,6	56,6	1
X10	2,29	9,877	52,3	42,3	3
X11	-0,542	0,582	6,1	3,9	9

Ghi chú: Cách tính Pi trong Phụ lục

ảnh hưởng đến quyết định tham gia DLNN, bao gồm: Vốn con người, Vốn vật chất, Vốn xã hội, Cảm nhận hữu dụng; Khả năng tiếp cận thị trường và Chính sách hỗ trợ của chính quyền.

Nhóm yếu tố “Vốn con người” bao gồm: Tuổi, Trình độ học vấn của chủ hộ. Kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Sri Lanka của Malkanthi và cộng sự (2015) và nghiên cứu về du lịch nông thôn ở Nepal của Bhatta và cộng sự (2019).

Nhóm yếu tố “Vốn vật chất” bao gồm: Diện tích đất nông nghiệp, Tiếp cận Internet, Mô hình sản xuất đa dạng, Thu nhập nông hộ. Kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu Yeboah (2017) về tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp của nông dân ở North California, USA.

Nhóm yếu tố “Vốn xã hội” bao gồm: Tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông; Tham gia các hiệp hội du lịch, Tổ chức du lịch. Kết quả này tương tự kết quả nghiên cứu về các du lịch nông nghiệp ở Việt Nam của Ha Hong Nguyen (2018).

Nhóm yếu tố “Cảm nhận hữu dụng” và “Khả năng tiếp cận thị trường” bao gồm: Cảm nhận lợi ích đem lại, Khoảng cách từ nông trại đến trung tâm thương mại gần nhất. Kết quả này tương tự kết

quả nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Cameron của Kunasekaran (2012) và ở USA của Bagi & Richard (2021).

Nhóm yếu tố “Chính sách hỗ trợ chính quyền” tương tự kết quả nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ở Việt Nam của Dung Thai Nguyen (2021).

Hai là, nghiên cứu đã xác định mức độ tác động từng yếu tố từ mạnh đến yếu: Chính sách hỗ trợ của chính quyền địa phương; Tham gia các hiệp hội nông dân, đoàn thể, câu lạc bộ khuyến nông; Cảm nhận lợi ích đem lại; Mô hình sản xuất đa dạng; Tiếp cận Internet; Trình độ học vấn; Tham gia các hiệp hội du lịch, Tổ chức du lịch; Khoảng cách từ nhà đến trung tâm thương mại gần nhất; Thu nhập; Tuổi chủ hộ.

Kết quả này hàm ý để nâng cao khả năng hộ nông dân tham gia DLNN cần quan tâm đến: (i) Chính quyền địa phương nên quan tâm đến đầu tư hơn nữa cơ sở hạ tầng (điện, nước sạch, đường nông thôn, hệ thống đường truyền Internet, hoàn chỉnh quy hoạch khu trung tâm thương mại địa phương), quản lý về sinh an toàn thực phẩm, chương trình Marketing địa phương về du lịch nông nghiệp; (ii) Các hiệp hội, câu lạc bộ du lịch nông nghiệp, khuyến nông mở rộng các hoạt động giới thiệu các mô hình sản xuất nông nghiệp đa dạng thích ứng

với DLNN và mô hình DLNN ở nông thôn có hiệu quả để thu hút nông dân tham gia Hiệp hội và tăng thêm nhận thức cho nông dân về lợi ích đem lại từ DLNN, nhất là đối tượng chủ hộ có độ tuổi trẻ và có thu nhập cao từ nông nghiệp; tập huấn cho nông dân các kỹ năng cần thiết và các hoạt động DLNN phù hợp với thể mạnh du lịch ở địa phương; (iii) Có chính sách quan tâm đến nâng cao trình độ dân trí cho con em nông dân.

7. Kết luận và hạn chế nghiên cứu

Nghiên cứu hiện tại nhằm mục đích mở rộng khung lý thuyết và cung cấp bằng chứng thực nghiệm về hành vi nông dân tham gia DLNN với bằng chứng từ đồng bằng sông Cửu Long, Việt

Nam. Các phát hiện làm nổi bật vai trò mạnh mẽ của các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động DLNN thông qua mô hình phân tích hồi quy Binary Logistic.

Nghiên cứu có một số hạn chế nhất định. Các đối tượng khảo sát chỉ lấy từ 4 tỉnh ở ĐBSCL, điều này hạn chế tính khái quát của nghiên cứu. Nghiên cứu trong tương lai nên khảo sát nhiều tỉnh và nhiều vùng khác nhau ở Việt Nam và so sánh để nâng cao tính khái quát của các phát hiện. Hơn nữa, nghiên cứu này chỉ xem xét 11 yếu tố tác động đến hành vi nông dân quyết định tham gia DLNN, ngoài ra còn có những yếu tố khác nữa tác động mà nghiên cứu này chưa đề cập đến ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Agresti A. (2007). *An Introduction to Categorical Data Analysis*. New York: A John Wiley & Sons Publication.
2. Ajzen, I. (1991). The Theory of Planned Behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211.
3. Ajzen, I., and Fishbein, M. (1980). *Understanding attitudes and predicting social behavior*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
4. Bagi, F.S., and Richard, J. (2012). Factors Affecting Farmer Participation in Agritourism. *Agricultural and Resource Economics Review*, 41(2), 189-199.
5. Bhatta, K., Itagaki, K., and Ohe, Y. (2019). Determinant Factors of Farmers Willingness to Start Agritourism in Rural Nepal. *Open Agriculture*, 4, 431-445.
6. Carter, S. (1998). Portfolio Entrepreneurship in the Farm Sector: Indigenous Growth in Rural Areas? *Entrepreneurship and Regional Development*, 10(11), 17-32.
7. Coates, T.T., and McDermott, C. (2002). An exploratory analysis of new competencies: a resource based view perspective. *Journal of Operations Management*, 20, 435-450.
8. Cox, D.R. (1958). The regression analysis of binary sequences. *Journal of the Royal Statistical Society*, 20(2), 215-242.
9. Duffy, L. N., Kline, C., Swanson, J. R., Best, M., and McKinnon, H. (2016). Community development through agroecotourism in Cuba: An application of the community capitals framework. *Journal of Ecotourism*, 16, 203-221.
10. Dung Thai Nguyen (2021). Analysis of factors affecting the income of agritourism farms in Lam Dong Province. *Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management*, 5(1), 1-7.
11. Ezung, Z. T. (2012). Rural Tourism in Nagaland, India: Exploring the Potential. *International Journal of Rural Management*, 7(1-2), 133-147
12. Feder, G., and OMara, G. T. (1981). Farm size and the diffusion of green revolution technology. *Economic Development and cultural change*, 30(1), 59-76.
13. Feder, G., Just, R. E., and Zilberman, D. (1985). Adoption of agricultural innovations in developing countries: A survey. *Economic development and cultural change*, 33(2), 255-298.

14. Gren, J. (2002). Reaching the Periperal Regional Growth Centre: Centre-Peripheral convergence through the structure funds transport infrastructure actions and the evaluation of the centre-periphery paradigm. *European Journal of Spatial Development*, 12, 101-109.
15. Ha Hong Nguyen (2018). The study on factors affecting the participation in the organization of the community tourism by farmer households in Tra Vinh province, Vietnam. *Journal of Economics Library*, 5(3), 259-264.
16. Howitt, D., and Cramer, D. (2011). *An Introduction to Statistics in Psychology*. UK: Prentice Hall.
17. Huamin, L., and Zhang, X. (2011). *Factors on tourist community participation in Dongqian Lake, Artificial Intelligence*. 2nd International Conference on Artificial Intelligence, Management Science and Electronic Commerce (AIMSEC).
18. Jungprawate, P. (2018). Participation in Developing Agro-tourism Attractions of Local Government Organizations in Pathum Thani and Nakorn Nayok Provinces. *Journal of Cultural Approach*, 19(35), 64-76.
19. Kunasekaran, P., Ramchandran, S., Samdin, Z., Awang, K.W. (2012). Factors affecting farmers agro tourism involvement in Cameron Highlands, Pahang. *OIDA International Journal of Sustainable Development*, 4, 83-90
20. Linh Tâm (2021). "Đánh thức" tiềm năng du lịch nông nghiệp: Cần một "cú hích". Hà Nội mới. Truy xuất từ: <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Du-lich/1008007/danh-thuc-tiem-nang-du-lich-nong-nghiep-can-mot-cu-hich>.
21. Malkanthi, S.H.P., Ishana, A.S.F., Sivashankar, P., and Weeralal, J.L.K. (2015). Willingness to initiate spice-tourism in Kolonna District Secretariat of Ratnapura District in Sri Lanka: Farmers perspective. *Sri Lanka Journal of Food and Agriculture*, 1, 35-45.
22. Micczkowski, Z. (1995). *Envrionmental Issues of Tourism and Recreation*. Lantarn, MD: University Press of America.
23. Nastiti, A.P., Hakim, L., and Soemarno (2019). Community participation in agro-tourism development at Karangsari, Blitar, East Java. *Journal of Environmental Engineering & Sustainable Technology*, 6(2), 36-43.
24. Pearce, P.L., Moscardo, G., and Ross, G.F. (1996). *Tourism Community Relationship*. Pergamon: New York, NY, USA.
25. Rateau, P., Moliner, P., Guimelli, C., and Abric, J.C. (2011). Social representation theory. *Handb. Theor. Soc. Psychol.*, 2, 477-497.
26. SAREP: Sustainable Agriculture Research & Education Program (2017). What is Sustainable Agriculture? Rechieved from: <https://sarep.ucdavis.edu/sustainable-ag/agritourism>.
27. Tổng cục Thống kê (2020). Đồng bằng sông Cửu Long - Phát huy lợi thế vừa lúa số một cả nước. Truy xuất từ: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/08/dong-bang-song-cuu-long-phat-huy-loi-the-vua-lua-so-mot-ca-nuoc/>.
28. Veeck, G., Che, D., and A. Veeck, A. (2006). Americas Changing Farm scape: A Study of Agricultural Tourism in Michigan. *The Professional Geographer*, 58(3), 235-248.
29. Yates, L. B. (2001). *Applying Diffusion Theory: Adoption of Media Literacy Programs in Schools. Paper presented to the Instructional and Developmental Communication Division*. International Communication Association Conference, Washington, DC, USA.
30. Yeboah, A., Owens, J., Bynum, J., and Okafor, R. (2017). Factors influencing agritourism adoption by small farmers in North Carolin. *Journal of Agricultural Extension and Rural Development*, 9(5), 84-96.

PHỤ LỤC:

Tính Pi: Giả sử xác suất hộ nông dân tham gia DLNN ban đầu là (P_0), do tác động của biến Xi, xác suất hộ đó là hộ quyết định tham gia DLNN sẽ là P_i . Theo Agresti (2007), P_i được xác định:

$$P_i = \frac{P_0 \times e^{B_i}}{1 - P_0 (1 - e^{B_i})}$$

Trong đó: e^{B_i} là hệ số tác động của biến i.

Ngày nhận bài: 1/11/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 1/12/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/12/2021

Thông tin tác giả:

1. PGS.TS. ĐINH PHI HỒ

Trường Đại học Phan Thiết

2. ThS. QUÁCH THỊ MINH TRANG

Khoa Chính trị - Hành chính, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

3. ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG HOA

Khoa Chính trị - Hành chính, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

**FACTORS AFFECTING THE DECISION OF FARMING
HOUSEHOLDS TO PARTICIPATE IN AGRITOURISM ACTIVITIES:
CASE STUDY OF FARMING HOUSEHOLDS
IN THE MEKONG DELTA**

● Assoc.Prof.Ph.D **ĐINH PHI HỒ**¹

● Master. **QUACH THI MINH TRANG** ²

● Master. **NGUYEN THI HONG HOA** ²

¹ Phan Thiet University

² Faculty of Politics - Administration,
Vietnam National University - Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

Agritourism creates job opportunities for farming household members. It also promotes the diversification of farm activities, income sources and reduce the dependence on nature of farming households. In this study, 450 farming households in the Mekong Delta were directly surveyed and the Binary logistic regression method was used. The study finds out major factors affecting the decision of farming households in the Mekong Delta to take part into agritourism activities. These factors are Support policy of local government; Participation in farmer associations, and unions; Perceived benefits; Various farming models; Internet access; Education level; Participation in tourism associations and organizations; Distance from farms to the nearest commercial center; Income; and Age of the head of household.

Keywords: agricultural tourism, Binary logistic regression model, the Mekong Delta.